TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MAI SƠN** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 11/2020/QĐST-HNGĐ	*Mai Sơn, ngày 11 tháng 11 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55;82,83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 21/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân* sự: Chị Mùi Thị Đ, sinh năm 1992. Địa chỉ; Tiểu khu Q, T, xã C, N, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

- Anh Hoàng Văn H, sinh năm1985; Địa chỉ: Tiểu khu Q, T, xã C, N, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Chị Mùi Thị Đ và anh Hoàng Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện từ năm 2013 do hai bên tự do tìm hiểu, không ai bị ép buộc khi cả hai đã đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật. Anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, N, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La vào ngày 05/03/2013.

Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng 5 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính cách anh chị trái ngược nhau, cuộc sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn. Măc dù anh chị cũng đã được hai bên gia đình khuyên bảo nhưng anh chị vẫn không thể tiếp tục sống chung. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc, tình cảm không thể hàn gắn, mẫu thuẫn trầm trọng, không thể duy trì cuộc sống chung nên anh chị thống nhất thuận tình ly hôn. Tại phiên hòa giải, chị Đ, anh H vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Xét thấy hai bên thật sự tự nguyện ly hôn nên căn cứ

Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của chị Đ, anh H.

[2] Về con chung: Chị Đ, anh H có 02 con chung là các cháu Hoàng Gia H, sinh ngày 11/04/2014 và cháu Hoàng Gia Ngh, sinh ngày 28/02/2016 chị Đ anh H tự nguyện thỏa thuận sau khi ly hôn anh H nhận trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục hai cháu H và Ngh cho tới khi các cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi) và không yêu cầu chị Đ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.Thỏa thuận về trách nhiệm nuôi dưỡng và việc cấp dưỡng nuôi con chung của hai anh chị là tự nguyện, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung chưa thành niên nên cần chấp nhận.

[3] Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Chị Đ, anh H xác nhận không có tài sản chung cũng như nợ chung vợ chồng, nên không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Chị Đ nhận nộp toàn bộ lệ phí tòa án là 300.000 đồng.

Xét thấy: Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 03 tháng 11 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không tHnh, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Mùi Thị Đ và anh Hoàng Văn H nhất trí thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Đ, anh H có 02 con chung là các cháu Hoàng Gia Hiệp, sinh ngày 11/04/2014 và cháu Hoàng Gia Nghĩa, sinh ngày 28/02/2016. Giao cả hai cháu Hiệp và Nghĩa cho anh H là trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục cho tới tuổi trưởng thành đủ 18 tuổi chị Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh H do anh không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, chị Đ được quyền thăm nom con, không ai được cản trở chị Đ thực hiện quyền này theo quy định của Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Chị Đ, anh H trong thời kỳ hôn nhân không có tài sản chung cũng như nợ chung vợ chồng nên không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Đ nhận nộp toàn bộ lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000VNĐ đã nộp theo Biên lai thu Tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2019/0000197 ngày 26 tháng 10 năm 2020 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Mai Sơn.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn;
- UBND xã C, N;
- Tòa án nhân dân tỉnh sơn la;
- Các đương sự:
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Hà Minh Quân